

Danh sách
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
(DẠNG THỨC TOEIC 450+)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTNNTH, ngày tháng năm 2025 của Giám
đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)
Khóa thi ngày: 29/04/2025

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	294001	Phan Nguyễn Thành Nhân	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
02	294002	Huỳnh Thị Thanh Nhân	21/06/2003	Long An	525	Cấp CN
03	294003	Trần Minh Nhật	10/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	950	Cấp CN
04	294004	Nguyễn Minh Nhật	03/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	470	Cấp CN
05	294005	Lại Phạm Xuân Nhi	05/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	675	Cấp CN
06	294006	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/04/2004	Long An	665	Cấp CN
07	294007	Tạ Nguyễn Thanh Nhi	02/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	370	
08	294008	Nguyễn Lý Hoàng Nhi	11/07/2002	Đồng Tháp	395	
09	294009	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	18/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh		Vắng thi
10	294010	Trần Tuyết Nhi	03/11/2002	Kiên Giang	560	Cấp CN
11	294011	Trần Dương Yến Nhi	05/11/2004	Đắk Lắk	580	Cấp CN
12	294012	Nguyễn Thị Yến Nhi	28/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	390	
13	294013	Huỳnh Thị Hồng Nhi	12/07/2004	Tây Ninh	665	Cấp CN
14	294014	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	730	Cấp CN
15	294015	Nguyễn Thị Nguyệt Nhi	16/06/2004	Tiền Giang	290	
16	294016	Nguyễn Trần Ngọc Nhi	02/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	650	Cấp CN
17	294017	Trần Huỳnh Nhu	25/08/2004	Bạc Liêu	485	Cấp CN
18	294018	Ngô Đặng Huỳnh Như	26/11/2003	Tiền Giang	525	Cấp CN
19	294019	Lâm Tâm Như	10/05/2004	Đồng Nai	455	Cấp CN
20	294020	Văn Lâm Quỳnh Như	11/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	475	Cấp CN
21	294021	Nguyễn Phạm Tâm Như	22/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
22	294022	Trần Thị Quỳnh Như	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	355	
23	294023	Nguyễn Hoàng Nhựt	20/09/2005	Bình Dương	650	Cấp CN
24	294024	Võ Tấn Phát	29/10/2004	Long An	325	
25	294025	Huỳnh Tấn Phát	06/07/2003	Gia Lai	530	Cấp CN
26	294026	Võ Lê Tấn Phát	15/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	315	
27	294027	Thạch Hoàng Thành Phát	06/06/2004	Tiền Giang	720	Cấp CN
28	294028	Phạm Đức Phát	24/11/2003	Kiên Giang	395	
29	294029	Huỳnh Thành Phát	28/08/2005	Tiền Giang	510	Cấp CN
30	294030	Vũ Sỹ Phú	10/02/2005	Long An	395	
31	294031	Võ Hồng Phú	15/11/2003	Long An	550	Cấp CN
32	294032	Phạm Tấn Phúc	26/06/2004	Long An	500	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	294001	Phan Nguyễn Thành Nhân	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
33	294033	Lê Hoàng Phúc	04/06/2003	Đồng Tháp	490	Cấp CN
34	294034	Lê Thị Hồng Phúc	02/02/2003	Long An	550	Cấp CN
35	294035	Phạm Ngọc Phước	06/10/2003	Phú Yên	320	
36	294036	Trần Lê Trúc Phương	12/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	620	Cấp CN
37	294037	Khúc Thụy Mai Phương	04/01/2004	Bình Dương	640	Cấp CN
38	294038	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	04/10/2004	Bến Tre	760	Cấp CN
39	294039	Nguyễn Bá Quân	08/04/2004	Hà Tĩnh	535	Cấp CN
40	294040	Nguyễn Minh Quân	06/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	405	
41	294041	Hồ Diệp Hoàng Quân	11/10/2003	Đồng Nai	660	Cấp CN
42	294042	Nguyễn Văn Đăng Quang	20/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	540	Cấp CN
43	294043	Trần Việt Quang	16/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	580	Cấp CN
44	294044	Huỳnh Phú Quý	21/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
45	294045	Dương Thị Mỹ Quyên	09/12/2004	Vĩnh Long	450	Cấp CN
46	294046	Trương Thục Quyên	15/11/2003	Lâm Đồng	485	Cấp CN
47	294047	Đồng Thị Quyên	10/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	380	
48	294048	Dương Nguyễn Như Quỳnh	09/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	300	
49	294049	Phạm Ngọc Như Quỳnh	08/11/2004	Tây Ninh	385	
50	294050	Lê Ngô Như Quỳnh	20/09/2002	Bình Dương	575	Cấp CN
51	294051	Trương Thị Thu Sang	07/10/2004	Hà Tĩnh	490	Cấp CN
52	294052	Phạm Minh Sang	06/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	645	Cấp CN
53	294053	Chung Phước Sang	15/11/2004	Long An	365	
54	294054	Lê Siêu	01/01/2004	Đắk Nông	695	Cấp CN
55	294055	Trần Hoàng Sơn	02/10/2004	Lâm Đồng	395	
56	294056	Nguyễn Văn Sơn	05/08/2003	Nghệ An		Vắng thi
57	294057	Đỗ Tú Tài	11/09/2004	Đồng Nai	320	
58	294058	Lê Thị Thanh Tâm	23/08/2002	Bình Phước	465	Cấp CN
59	294059	Hồ Thị Thanh Tâm	10/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	360	
60	294060	Nguyễn Thùy Thanh Tâm	12/03/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	415	
61	294061	Trần Thanh Tâm	25/08/2004	Bạc Liêu	545	Cấp CN
62	294062	Trần Thị Thanh Tâm	03/11/2003	Đồng Nai	230	
63	294063	Nguyễn Minh Tân	28/05/2005	Long An	630	Cấp CN
64	294064	Nguyễn Trọng Tấn	22/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
65	294065	Lê Quốc Thái	17/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	635	Cấp CN
66	294066	Đỗ Thị Lan Thanh	20/07/2004	Long An	425	
67	294067	Nguyễn Văn Trần Thắng	17/04/2002	Hà Tĩnh	585	Cấp CN
68	294068	Vũ Lê Thanh Thảo	11/10/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	580	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	294001	Phan Nguyễn Thành Nhân	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
69	294069	La Thị Thảo	02/08/2004	Lâm Đồng	405	
70	294070	Phan Thị Anh Thi	14/09/2003	Bến Tre	470	Cấp CN
71	294071	Dương Ngọc Anh Thi	15/11/2004	Long An	690	Cấp CN
72	294072	Hồ Huỳnh Bảo Thiên	01/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
73	294073	Tô Chí Thiện	06/08/2004	Cà Mau	645	Cấp CN
74	294074	Nguyễn Ngọc Kim Thịnh	24/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	655	Cấp CN
75	294075	Trương Quang Thịnh	13/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
76	294076	Trần Hoàng Thịnh	01/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	320	
77	294077	Đàm Thi Thơ	10/05/2003	Phú Yên	450	Cấp CN
78	294078	Nguyễn Ngọc Hồng Thoa	26/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	515	Cấp CN
79	294079	Trang Thanh Thoại	27/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	360	
80	294080	Võ Thị Anh Thư	04/02/2004	Long An	710	Cấp CN
81	294081	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	17/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
82	294082	Ngô Thị Anh Thư	16/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	615	Cấp CN
83	294083	Lê Thị Anh Thư	03/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	375	
84	294084	Phan Đồng Anh Thư	03/05/2003	Tiền Giang	460	Cấp CN
85	294085	Trần Anh Thư	12/10/2003	Đồng Nai	715	Cấp CN
86	294086	Phạm Thị Anh Thư	03/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	505	Cấp CN
87	294087	Võ Ngọc Minh Thư	01/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
88	294088	Phạm Thị Minh Thư	26/12/2004	Long An	625	Cấp CN
89	294089	Trương Ngọc Anh Thư	21/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	630	Cấp CN
90	294090	Trịnh Thị Minh Thư	04/05/2001	Ninh Thuận	410	
91	294091	Nguyễn Huy Thuần	03/10/2003	Kiên Giang	335	
92	294092	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	18/03/2005	Long An	465	Cấp CN
93	294093	Đàm Ngọc Thuý	17/09/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	405	
94	294094	Nguyễn Ngọc Như Thùy	05/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	335	
95	294095	Nguyễn Trần Minh Thy	07/07/2005	Long An	345	
96	294096	Lê Thị Thuý Tiên	12/03/2002	Tây Ninh	360	
97	294097	Trần Thị Mỹ Tiên	27/01/2003	Kiên Giang	795	Cấp CN
98	294098	Trần Minh Tiến	08/06/2001	Tiền Giang	460	Cấp CN
99	294099	Phan Hoàng Tín	24/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	395	
100	294100	Nguyễn Công Tộ	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	275	
101	294101	Nguyễn Mạnh Toàn	28/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	340	
102	294102	Bùi Minh Toàn	09/07/2004	Long An	195	
103	294103	Lê Huyền Trâm	25/05/2003	Khánh Hòa	655	Cấp CN
104	294104	Phạm Huyền Trâm	12/08/2003	Nghe An		Vắng thi

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	294001	Phan Nguyễn Thành Nhân	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
105	294105	Nguyễn Hoàng Ngọc Trân	13/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	660	Cấp CN
106	294106	Nguyễn Thị Huyền Trân	11/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	290	
107	294107	Ngô Hà Trang	15/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	765	Cấp CN
108	294108	Phạm Thùy Trang	26/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	695	Cấp CN
109	294109	Trần Thị Thu Trang	26/08/2004	Kiên Giang	325	
110	294110	Mai Thị Kim Trang	11/12/2004	Long An	785	Cấp CN
111	294111	Hoàng Thị Minh Trang	26/06/2002	Lâm Đồng	475	Cấp CN
112	294112	Phạm Minh Trí	17/03/2004	Cần Thơ	535	Cấp CN
113	294113	Nguyễn Trần Bảo Trí	11/05/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	500	Cấp CN
114	294114	Trần Thị Việt Trinh	18/01/2004	Long An	540	Cấp CN
115	294115	Nguyễn Thị Huyền Trinh	03/09/1999	Bình Thuận	745	Cấp CN
116	294116	Trương Lâm Thùy Trinh	03/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
117	294117	Nguyễn Thị Hồng Trinh	02/05/2005	Đồng Nai	220	
118	294118	Huỳnh Thị Ngọc Trinh	24/04/2004	Long An	365	
119	294119	Nguyễn Thị Bích Trinh	20/08/2003	Quảng Ngãi	565	Cấp CN
120	294120	Phan Thị Kiều Trinh	06/05/2000	Quảng Ngãi	415	
121	294121	Phạm Kiều Trinh	27/05/2003	Ninh Thuận	315	
122	294122	Châu Phú Trọng	04/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
123	294123	Trần Thị Mai Trúc	12/01/2003	Quảng Nam	565	Cấp CN
124	294124	Dương Xuân Hiếu Trung	13/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
125	294125	Phan Minh Trung	04/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	360	
126	294126	Nguyễn Thiên Trường	23/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	340	
127	294127	Nguyễn Trần Quốc Tuấn	18/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	465	Cấp CN
128	294128	Quảng Chí Tường	22/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	630	Cấp CN
129	294129	Cao Thị Hà Tuyên	08/10/2005	Tiền Giang	600	Cấp CN
130	294130	Nguyễn Thanh Tuyên	17/04/2002	Quảng Ngãi	620	Cấp CN
131	294131	Nguyễn Thanh Tuyên	08/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
132	294132	Vũ Thị Minh Tuyên	17/09/2004	Hải Phòng	815	Cấp CN
133	294133	Trần Lệ Uyên	16/12/2003	Bến Tre	500	Cấp CN
134	294134	Phạm Điền Nhã Uyên	21/08/2004	Đồng Nai	625	Cấp CN
135	294135	Liêu Hồng Uyên	18/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
136	294136	Nguyễn Thị Mỹ Vân	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	805	Cấp CN
137	294137	Nguyễn Yến Vi	10/06/2003	Gia Lai	505	Cấp CN
138	294138	Lê Thành Vinh	05/06/2003	Đắk Nông	390	
139	294139	Trần Ngọc Công Vinh	04/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	715	Cấp CN
140	294140	Nguyễn Hữu Anh Vinh	17/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	575	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	294001	Phan Nguyễn Thành Nhân	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
141	294141	Mai Văn Vũ	16/04/2002	Quảng Bình	600	Cấp CN
142	294142	Trà Thị Vui	10/08/2004	Long An	410	
143	294143	Dương Thị Tường Vy	18/09/2003	Đắk Lắk	750	Cấp CN
144	294144	Lê Thanh Vy	06/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	715	Cấp CN
145	294145	Phạm Thị Tường Vy	03/08/2003	Tây Ninh	665	Cấp CN
146	294146	Nguyễn Trần Thuý Vy	31/03/2004	Tây Ninh	460	Cấp CN
147	294147	Mai Ngọc Thuý Vy	15/08/2003	Tiền Giang	455	Cấp CN
148	294148	Võ Kim Yến	28/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
149	294149	Võ Thành Trung	08/11/2004	Long An	360	

Tổng cộng: 149 Thí sinh